

BẢN CHẤT CỦA LUẬT TỤC

Nguyễn Văn Tiến

Trường Đại học Khoa học – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Luật tục hay còn gọi là tập quán pháp, luật lệ, lệ tục, phong tục, hương ước... đây chính là một hệ thống bao gồm các phép tắc, phép xử sự được áp dụng rộng rãi trong cộng đồng làng bản dân tộc thiểu số. Những chuẩn mực đó được cả cộng đồng thừa nhận, thực hiện tạo nên sự thống nhất và sự cân bằng trong xã hội. Luật tục cũng là tri thức về môi trường tự nhiên, về sản xuất nương rẫy, hái lượm, săn bắt, đánh cá, tri thức về xã hội và ứng xử giữa người với người, tri thức về đời sống văn hoá, nghi lễ và phong tục... Nghiên cứu này bước đầu phân tích khái niệm, đặc điểm của luật tục nhằm làm sáng tỏ bản chất của nó dựa trên góc nhìn và phương pháp nghiên cứu dân tộc học.

Từ khóa: *Bản chất; luật tục; tri thức; bản địa; tộc người.*

Ngày nhận bài: 22/11/2018; Ngày hoàn thiện: 08/5/2019; Ngày duyệt đăng: 06/6/2019

NATURE OF CUSTOMARY LAWS

Nguyen Van Tien

TNU - University of sciences

ABSTRACT

Customary laws, customs, conventions... are a system of rules and practices that are commonly performed among ethnic minority communities. These norms are recognized by the whole community, which creates unity and balance in society. Customary law is also the knowledge of the natural environment, upland cultivation, gathering, hunting, fishing; knowledge of the society and behaviors among people, knowledge of cultural life, rituals and customs... This study initially analyzes the concept, characteristics and functions of customary law in order to clarify its nature using the ethnographic perspective and methodology.

Keywords: *Nature; customary law; knowledge; indigenous; ethnic.*

Received: 22/11/2018; Revised: 08/5/2019; Approved: 06/6/2019

1. Các quan điểm về luật tục

Cho đến nay, đã có rất nhiều học giả trong và ngoài nước chú ý, quan tâm nghiên cứu về các vấn đề của luật tục dưới nhiều lĩnh vực, chuyên ngành khác nhau như: lịch sử, văn học, dân tộc học, luật học, văn hóa học, xã hội học...thậm chí nhiều trường đại học đã đưa luật tục các dân tộc thiểu số vào chương trình giảng dạy cho các sinh viên khối ngành xã hội - nhân văn. Các công trình đã công bố nghiên cứu, đánh giá đến nhiều khía cạnh của luật tục như: vai trò, giá trị pháp lý, giá trị văn hóa, kho tàng tri thức... Từ đó, chúng ta thấy rằng, luật tục là một trong những tư liệu quý giá cho các nhà khoa học, nhà chính trị khi nghiên cứu về các tộc người ở Việt Nam và trên thế giới. Các công trình này đã đều nêu ra những khái niệm về “*Luật tục*”, tuy vậy, giữa những quan điểm vẫn có những cách nhìn nhận khác nhau. Về điều này, chúng ta có thể thấy các quan điểm sau:

Thứ nhất về quan điểm dựa trên góc độ nghiên cứu về văn hóa và dân tộc học, GS TS Ngô Đức Thịnh cho rằng: “*Đó là một hình thức của tri thức bản địa, tri thức địa phương, được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài, qua kinh nghiệm ứng xử với môi trường và ứng xử xã hội, đã được định hình dưới nhiều dạng thức khác nhau, được truyền từ đời này sang đời khác qua trí nhớ, qua thực hành sản xuất và thực hành xã hội. Nó hướng đến việc hướng dẫn, điều chỉnh và điều hoà các quan hệ xã hội, quan hệ con người với môi trường thiên nhiên. Những chuẩn mực ấy của luật tục được cả cộng đồng thừa nhận và thực hiện, tạo nên sự thống nhất và cân bằng xã hội của mỗi cộng đồng.*” [1, tr. 441]

Cũng dưới góc độ nghiên cứu văn hóa và dân tộc học, PGS TS Lâm Bá Nam đưa ra quan điểm: “*Luật tục là sản phẩm của xã hội truyền thống và do đó nội dung của luật tục phản ánh đặc trưng của văn hoá truyền thống, trong đó tính tộc người được thể hiện khá rõ nét. Thêm nữa, luật tục từng tồn tại*

khá lâu dài, là sản phẩm của bản thân từng tộc người và trên một khía cạnh nhất định, nó còn mang tính địa phương và nhóm địa phương tộc người.” [2, tr. 12]

Nhà dân tộc học, PGS TS Vương Xuân Tình cho rằng: “*Luật tục, với ý nghĩa là tri thức dân gian về quản lý cộng đồng có vai trò lớn trong xã hội, nhất là xã hội tiền giai cấp. Luật tục, có thể là thành văn hay bất thành văn, có thể được định danh khác nhau như hương ước (ở người Việt), tập quán (một số vùng dân tộc Tây Nguyên) hay quy ước (nhiều dân tộc tại miền núi phía Bắc), nhưng đều hàm chứa những quy định liên quan tới nhiều mặt của đời sống và buộc các thành viên phải tuân theo.*” [3, tr. 370-410].

Như vậy, dưới góc độ văn hóa, dân tộc học các nhà nghiên cứu đều thống nhất cho rằng luật tục là những tri thức dân gian bản địa, mang dấu ấn văn hóa tộc người, được hình thành trong quá trình phát triển của từng cộng đồng dân tộc trên cơ sở kinh nghiệm về cuộc sống, xã hội, tính thích ứng tự nhiên... Luật tục được tích lũy qua nhiều thế hệ nối tiếp nhau và được bổ sung, thay thế, hoàn chỉnh cho phù hợp với từng hoàn cảnh. Và tính thực thi của luật tục chỉ được thừa nhận trong không gian làng bản từng tộc người.

Dưới góc độ nghiên cứu về pháp luật, luật tục cũng được nhiều nhà nghiên cứu đánh giá và nhìn nhận như sau:

Theo Từ điển Luật học: “*Những quy tắc xử sự mang tính chất bắt buộc do các cộng đồng làng xã xây dựng nên và được truyền từ đời này sang đời khác. Luật tục có thể tồn tại bằng truyền miệng hoặc được ghi thành văn bản. Văn bản luật tục có thể tồn tại dưới hình thức đơn giản như "hương ước" nhưng cũng có thể xây dựng dưới dạng bộ luật*”[4]. luật tục là tập tục, phong tục tập quán của một cộng đồng, được hình thành tự phát và được các thành viên trong cộng đồng chấp nhận, tuân theo trong quan hệ với nhau. Luật tục thể hiện bao quát, phong phú các mối quan hệ xã hội truyền thống, ít thay đổi và hiện nay vẫn

giữ một vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, kể cả ở nhiều nước phát triển. Ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu văn hoá cho rằng luật tục về căn bản đã nhường bước cho luật thành văn, tuy nhiên, những phong tục, tập quán tốt đẹp vẫn được duy trì, vận dụng phù hợp với xã hội mới.

Nghiên cứu luật học, PGS.TS Nguyễn Thị Việt Hương có quan điểm: *“Luật tục là những chuẩn mực xã hội, giới hạn hành vi ứng xử của mỗi cá nhân và cả cộng đồng sao cho phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng. Luật tục bao hàm và cụ thể hóa các chuẩn mực về đạo đức, pháp lý xã hội, tạo nên các giá trị văn hóa, tinh thần, truyền thống của dân tộc, không ngừng được củng cố trong tiến trình phát triển lịch sử”*[5, tr. 22-29]. Như vậy, quan điểm của các nhà nghiên cứu luật học cho rằng luật tục là bước chuyển trung gian giữa những phong tục, tập quán với luật pháp của thời kỳ có giai cấp và chuẩn bị xuất hiện nhà nước. Luật tục ra đời và tồn tại trong xã hội chưa có nhà nước nên chủ yếu nó vẫn là những quy phạm cộng đồng, bao hàm các loại giá trị đạo đức, pháp lý và văn hóa, tôn giáo - tín ngưỡng...và phần nhiều mang đặc thù của tính địa phương, văn hóa từng tộc người.

Về mặt lịch sử, luật tục chứa đựng yếu tố truyền thống, có vai trò điều hành góp phần vào sự ổn định trật tự để bảo vệ các quyền lợi của các thành viên trong cộng đồng của các dân tộc trong đời sống xã hội. Trong những điều kiện và hoàn cảnh nhất định luật tục có thể trở thành nguồn của luật nhà nước.

Xét về mặt văn hoá xã hội, luật tục như một thứ văn hoá truyền thống của một nhóm người với những quy định cấm đoán, cho phép, khích lệ hay xử phạt và được nhóm người đó thừa nhận, bắt buộc nhằm ràng buộc mọi cá nhân, gia đình, dòng họ phải tuân theo. Như vậy, luật tục được hiểu là những quy định mang tính truyền thống, văn hoá của một nhóm người có quan hệ với nhau về mặt huyết thống, do đó phải tuân theo những quy định của cộng đồng. Và luật tục là một dạng

quy phạm xã hội có phạm vi điều chỉnh rộng lớn thể hiện các vấn đề về đạo đức, luân lý, phép ứng xử, tính cách thái độ của các thành viên trong xã hội. Luật tục có ảnh hưởng rất lớn trong đời sống cộng đồng, nó chi phối mạnh mẽ các phong tục tập quán ở địa phương. Nghĩa là, nó thiết lập nên toàn bộ giá trị nền tảng cho các phán xét cả về đạo đức, pháp luật cũng như nguồn gốc của các dự đoán xã hội.

2. Đặc điểm của luật tục

Thứ nhất, luật tục được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài trong thời kỳ đầu của xã hội nguyên thủy (tương ứng với thời đại đồ đá cũ và phát triển mạnh ở thời đại đá giữa và đá mới). Theo phân kỳ lịch sử như vậy, luật tục ra đời dưới thời kỳ chế độ mẫu hệ của lịch sử loài người, đây là những quy định chung mà được cả cộng đồng tộc người đều thừa nhận. Vì thế, luật tục đảm bảo lợi ích chung của cả cộng đồng và không bao giờ có sự mâu thuẫn hay có sự phản đối gay gắt từ phía những thành viên của tộc người đó.

Thứ hai, phần lớn các bộ luật tục ở nước ta được hình thành ở dạng ngôn ngữ truyền miệng. Điều này xuất phát từ sự ra đời rất sớm của luật tục, thời gian này hầu hết các dân tộc của nước ta chưa hình thành chữ viết thậm chí hiện nay còn nhiều dân tộc thiểu số nước ta không có chữ viết. Luật tục được xây dựng bằng các ngôn từ đơn giản, dễ hiểu, dễ thực thi như văn vần, dân ca, câu đố, lời ru, truyện, thơ ca..., ngoài ra cách ví von nội dung của luật tục đều dùng các thứ mà cả cộng đồng đều biết như con dao, cái điều cày, hòn đá, con cọp, cây rừng... do vậy mà các thành viên trong cộng đồng có thể hiểu để áp dụng khi xử phạt, hoặc biết để tránh không vi phạm những điều cấm kỵ đã được tuyên bố trong luật tục.

Thứ ba, luật tục là những nguyên tắc nhằm hướng đến việc tạo ra sự bình đẳng trong nội bộ của cộng đồng tộc người. Vì thế, trong khi xử phạt có nguyên tắc đó là mọi tội đều phải mang ra xét xử: *“Lửa cháy dập mới tắt/ Nước*

chảy đắp mới cạn/ Các tội phạm phải đền mới hết” [6, tr. 361] để nhằm mục đích: “*Anh và em mới được đoàn kết/ Cha và con mới được hòa thuận/ Bà con ta mới được thân ái*” [6, tr. 362]. Và nhất thiết phải có người làm chứng hoặc có tang chứng để chứng minh: “*Phải có bốn năm người, vài ba người khi sự việc xảy ra, tất cả mọi người đều đã nghe, mắt đều đã thấy. Có như vậy, các tang chứng mới thật là chắc chắn*” [6, tr. 312]. Nếu có những hình phạt thì tính công bằng rất cao, thường là tội lớn thành tội nhẹ, tội nhẹ thành không có. “*Hình thức phạt tội, mức phạt bồi thường nhiều khi còn mang ý nghĩa văn hóa nhất định. Thí dụ, với luật tục Êđê, người nào ăn cắp của người khác một thì phải đền ba.*” [7, tr. 49]

Thứ tư, luật tục có phạm vi điều chỉnh rộng, bao quát toàn bộ các lĩnh vực quan hệ xã hội trong cộng đồng người. Căn cứ vào tính chất, đặc điểm của những quan hệ xã hội được điều chỉnh, có thể phân thành những nhóm lĩnh vực được luật tục điều chỉnh như: lĩnh vực tổ chức và quản lý cộng đồng, lĩnh vực ổn định trật tự an ninh và đảm bảo lợi ích cộng đồng, lĩnh vực tôn trọng, tuân thủ, bảo vệ phong tục, tập quán; lĩnh vực quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình; lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai; bảo vệ sản xuất, môi trường; lĩnh vực duy trì và giáo dục nếp sống văn hóa, tín ngưỡng.

Thứ năm, luật tục được đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh của dư luận cộng đồng, bằng chính sự tự giác của mỗi cá nhân, có khi như một thói quen. Dư luận cộng đồng là lực lượng hướng dẫn và cưỡng chế các thành viên ứng xử theo đúng chuẩn mực của quy ước và luật tục. Dư luận cộng đồng góp phần cổ vũ, khích lệ các thành viên chấp hành các quy định của luật tục, làm tốt các điều phải làm, có tác dụng răn đe, ngăn ngừa những người có hành động vi phạm luật tục. Mặt khác, tín ngưỡng, thần linh cũng chi phối ý thức tuân thủ luật tục của của cả cộng đồng.

3. Bản chất của luật tục

Thứ nhất, luật tục là một hệ thống giáo dục hoàn chỉnh. Trong rất nhiều cuốn luật tục hiện

nay đều thấy được tính giáo dục được phản ánh rõ nét trên mọi phương diện từ trong gia đình, ngoài đời sống xã hội đến sự ứng xử của con người với tự nhiên. Tính giáo dục trong luật tục nhằm khuyên nhủ, điều chỉnh nhận thức, hành vi con người theo hướng tích cực để xây dựng lối sống tốt đẹp, giữ thuần phong mỹ tục của ông cha. Như trong cuốn Luật tục của người Raglai nói về con cái phải vâng lời, phải có trách nhiệm, bổn phận dưỡng nuôi, chăm sóc cha mẹ: “*Làm con phải gọi dạ, bảo vâng, ăn lời mẹ cha/ Phải có bốn phận chăm sóc, dưỡng nuôi mẹ cha, phải canh bưng, cơm dọn/ Chăm lo, phụng dưỡng mẹ cha mới là con*” [8, tr. 485]. Tương tự trong luật tục Êđê: “*Có măng to là nhờ có le, có tắc kè to là nhờ có cây, con người mà đông lên hàng trăm, hàng nghìn là nhờ có cha mẹ*” [9, tr. 114]. Ngoài sự giáo dục trong gia đình ra, trong các cuốn luật tục còn rất nhiều các quy định nhằm hướng đến điều chỉnh các hành vi cá nhân như: quan hệ vợ chồng, trộm cắp, cưỡng hiếp... Và cuối cùng là trong chế tài xử phạt phần nhiều mang tính chất giáo dục, răn đe hơn là sự trừng phạt, chẳng hạn việc giết người rất nghiêm trọng nhưng khi xét xử thì: “*Nếu hấn đã giết một người nhà nghèo thì hấn phải đền mạng bằng một cái la một cặp tay và một gang tay (đường kính)*” [6, tr. 134].

Thứ hai, luật tục chính là một phương thức quản lý cộng đồng có tính hiệu quả nhất trong các làng bản. Luật tục xuất hiện từ sớm, tồn tại lâu đời trong đời sống của nhân dân, được truyền từ đời này sang đời khác, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, trở thành thói quen ứng xử hàng ngày của họ và được đảm bảo thực hiện bằng dư luận xã hội, bằng các biện pháp cưỡng chế của cộng đồng nên được người dân tự giác thực hiện (chức năng điều chỉnh xã hội).

Thứ ba, luật tục là di sản văn hoá tộc người. Trong mỗi bộ luật tục nó không chỉ chứa đựng những sắc thái văn hoá độc đáo của mỗi tộc người khiến có người đã ví von nó như là “Bộ từ điển Bách khoa sống của mỗi dân tộc” mà bản thân mỗi bộ luật tục đó thực sự còn là một tác phẩm văn học dân gian truyền miệng

có giá trị nội dung và nghệ thuật. Luật tục là kho tàng tri thức dân gian phong phú. Đó là tri thức về môi trường tự nhiên, về sản xuất nương rẫy, hái lượm, săn bắt, đánh cá, tri thức về xã hội và ứng xử giữa người với người, tri thức về đời sống văn hoá, nghi lễ phong tục. Đó là việc xác định các quan hệ sở hữu của cộng đồng và cá nhân đối với các nguồn tài nguyên đất, rừng, nước, lâm nghiệp, thổ sản “*Bắt con ếch phải chừa con mẹ/ Chặt cây tre phải chừa cây con/ Đốt tổ ong phải chừa ong chúa/ Thuốc cá làm suối nghèo*” [6, tr. 567]. Xét cho cùng, luật tục không phải là cái gì khác mà chính bản thân nó đã là văn hóa. Nói luật tục là văn hóa không phải chỉ xét ở bản chất và con đường hình thành của nó gắn liền với văn hóa, mà còn thể hiện ở nội dung văn hóa chứa đựng trong luật tục.

4. Kết luận

Như vậy thông qua khái niệm và đặc điểm chúng ta có thể thấy bản chất của luật tục là một cách thức quản lý cộng đồng giản đơn và sơ khai được áp dụng rộng rãi trong các bản làng dân tộc thiểu số. Trong suốt thời gian dài, luật tục đóng vai trò là hệ thống pháp luật với những quy phạm tương đối chặt chẽ của nó đã trở thành công cụ hữu hiệu để giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp và duy trì trật tự xã hội. Là bức tranh phản ánh chân thực mọi mặt đời sống xã hội, phong tục tập quán, tín ngưỡng, lối sống của các dân tộc. Là một hệ thống giáo dục từ nhân cách đến các hành vi của các cá nhân. Trong xã hội hiện đại ngày nay, luật tục vẫn phát huy vai trò điều chỉnh mọi mối quan hệ xã hội ở các buôn, làng, bản của đồng bào các dân tộc thiểu số. Đối với họ, luật tục vẫn được coi là những chuẩn mực trong hành vi ứng xử hàng

ngày. Trong mọi hoạt động giao tiếp với cá nhân, cộng đồng, khi gặp phải tình huống cần lựa chọn hành vi ứng xử, đồng bào các dân tộc thiểu số thường nghĩ ngay đến những câu trong luật tục mang đậm chất dân gian để định hướng cho hành vi ứng xử của mình mà không vượt ra ngoài những quy định của luật tục. Chính điều này cho thấy sức sống mãnh liệt của luật tục và chứng minh cho sự hợp lý, sự cần thiết của nó trong việc điều chỉnh các mối quan hệ xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ngô Đức Thịnh, *Tìm hiểu luật tục các tộc người ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.
- [2]. Lâm Bá Nam, “Luật tục các dân tộc bản địa ở Tây Nguyên: Nhận diện di sản lịch sử”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 10/2010.
- [3]. Kỳ yếu Hội thảo quốc tế: Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian (2000), *Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 370-410.
- [4]. <https://thuvienphapluat.vn/tmpl/2631/Luat-tuc?tab=0>, truy cập lúc 8:37, ngày 13/3/2019.
- [5]. Nguyễn Thị Việt Hương, “Giá trị của luật tục từ góc nhìn pháp lý”, *TC Nhà nước và pháp luật*, số 4/2000 tr 22 – 29.
- [6]. Phan Đăng Nhật (chủ biên), *Luật tục các dân tộc thiểu số Việt Nam* (quyển 4), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014.
- [7]. Ngô Đức Thịnh, *Tìm hiểu luật tục các tộc người ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, H.2003.
- [8]. Phan Đăng Nhật, Nguyễn Thế Sang, *Luật tục Chăm và luật tục Raglai*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2012.
- [9]. Phan Đăng Nhật (chủ biên), *Luật tục các dân tộc thiểu số Việt Nam* (quyển 3), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014.

